

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP
(Ngày 12 tháng 11 năm 2024)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Nguyễn Thị Như Ngọc ; Ngày tháng năm sinh: 01/04/1989
- Chức vụ/chức danh công tác: Công chức Tài chính Kế toán UBND phường Ninh Thạnh
- Cơ quan/đơn vị công tác: UBND phường Ninh Thạnh - TPTN
- Nơi thường trú: 2a – đường số 24 Trường Chinh - Tổ 11 KP Ninh Lợi, phường Ninh Thạnh - Tp Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 072189002255, ngày cấp: 29/04/2021; nơi cấp Cục cảnh sát

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Nguyễn Anh Tài; Ngày tháng năm sinh: 19/07/1984
- Nghề nghiệp: Nhân viên kỹ thuật điện
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Công ty Điện lực tỉnh Tây Ninh.
- Nơi thường trú: 2a – đường số 24 Trường Chinh - Tổ 11 KP Ninh Lợi, phường Ninh Thạnh - Tp Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 072084003598; ngày cấp 10/07/2024; nơi cấp Cục cảnh sát.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Nguyễn Thục Uyên; Ngày tháng năm sinh: 25/04/2012
- Nơi thường trú: 2a – đường số 24 Trường Chinh - Tổ 11 KP Ninh Lợi, phường Ninh Thạnh - Tp Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
ngày cấp..... nơi cấp

3.2. Con thứ hai (trở lên):

- Họ và tên: Nguyễn Phương Uyên

- Ngày, tháng, năm sinh: 11/08/2015

- Hộ khẩu thường trú: 2a – đường số 24 Trường Chinh - Tổ 11 KP Ninh Lợi, phường Ninh Thạnh
- Tp Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: đường số 24 Trường Chinh - Tổ 11 KP Ninh Lợi, phường Ninh Thạnh - Tp Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Diện tích⁽⁹⁾: Diện tích: 137,7m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: Không xác định

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: số CH01906 do 02 vợ chồng đồng sở hữu.

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên):

- Địa chỉ⁽⁸⁾:

- Diện tích⁽⁹⁾:

- Giá trị⁽¹⁰⁾: Không xác định

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾:

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất: ONT + HNK , Địa chỉ: Ấp Suối Dộp, xã Thái Bình, huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh

- Diện tích: 355,6 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: số CS10084 do 02 vợ chồng đồng sở hữu.

- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên):

- Loại đất: ONT + HNK, Địa chỉ: Ấp Bàu Sen, xã Hào Đức, huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh

- Diện tích: 537,7 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: số CS09298 do 02 vợ chồng đồng sở hữu.

- Thông tin khác (nếu có):

1.2.3. Thừa thứ 3 (trở lên):

- Loại đất: ODT, Địa chỉ: Khu phố Ninh Đức, phường Ninh Thạnh, TP Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

- Diện tích: 95,3 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: số CS14146 do 1 người sở hữu (tài sản riêng).

- Thông tin khác (nếu có):

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở: Có 01 nhà ở

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: đường số 24 Trường Chinh - Tổ 11 KP Ninh Lợi, phường Ninh Thạnh - Tp Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà ở riêng lẻ: Cấp công trình: cấp IV.

- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 90 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: Không xác định

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Không có

- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Không có

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: Không có

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:

- Loại công trình:..... Cấp công trình:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: Không có

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾.

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 338.560.000 đồng

- Tổng thu nhập của người kê khai: 78.560.000 đồng .

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 200.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không có

- Tổng các khoản thu nhập chung: 60.000.000 đồng.

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu			

<p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.</p>		338.560.000	<p>78.560.000 đồng: lương và phụ cấp cá nhân. Tăng lương 18.560.000 do lương cơ sở tăng từ ngày 01/07/2024 là 2.340.000 đ.</p> <p>200.000.000 đồng: lương và phụ cấp của chồng.</p> <p>60.000.000 đồng: nguồn thu từ bán điện mặt trời cho Công ty Điện lực TP Tây Ninh.</p>

..... ngày 11 tháng 11 năm 2024
NGƯỜI NHẬN BÀN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)


Cao Văn Thương

..... ngày 11 tháng 11 năm 2024
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN


Nguyễn Thị Như Ngọc

